



- Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh với khách du khách nước ngoài và trong môi trường làm việc, vận dụng được các thuật ngữ về nhà hàng, khách sạn trong tiếng Anh.

### 2.2.3. Về thái độ

- Tham dự giờ giảng đầy đủ, nghe giảng, tự học, tự nghiên cứu tài liệu bắt buộc và tham khảo để vận dụng kiến thức nhằm làm bài tập và thảo luận theo nhóm có hiệu quả.

- Có ý thức tự học để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

## 3. Chuẩn đầu ra (CLO)

### Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Ứng dụng kiến thức cơ sở về giao tiếp đa văn hoá
CLO2	Phát triển kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ với du khách nước ngoài
CLO3	Sử dụng ngoại ngữ để thực hiện tốt nghiệp vụ chăm sóc khách hàng
CLO4	Duy trì ý thức học và tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ

## 4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

### Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1	M				M						M	
CLO 2		M	M	M		I			M,A			
CLO 3	R	R	M	I		M				M		M
CLO 4									M			
Tổng hợp học phần	M	M	M	M	M	M			M,A	M	M	M

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

## 5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	10%			x	CLO2, CLO3, CLO4	Đánh giá theo Rubric 1
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	30%	A2.1. Tuần 5: Bài 5	30%	x	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Đánh giá theo Rubric 3 hoặc Rubric 4
		A2.2. Tuần 10: Bài 10	30%	x	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
		A2.3. Tuần 15: Bài 15	40%	x	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: Viết hoặc vấn đáp			CLO 1, CLO 2, CLO 3	Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn hoặc Rubric 4

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

**b. Yêu cầu đối với học phần:** Sinh viên phải tham dự  $\geq 80\%$  số buổi của HP. Nếu nghỉ  $> 20\%$  số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

## 6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

<b>Tuần/ Buổi</b> (3 tiết/b)	<b>Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 2 số)</b>	<b>Số tiết (LT/ TH/ TT)</b>	<b>CĐR của bài học (chương)/ chủ đề</b>	<b>Lquan đến CĐR nào ở bảng 1</b>	<b>PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR</b>	<b>Hoạt động học của SV(*)</b>	<b>Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 3)</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Unit 1. Western Breakfast 1.1. Expressions and Words 1.2. Pair work 1.3. Exercises	3	1.1. Nghe được các bài đọc qua máy tính của Unit 1 1.2. Nói theo cặp về bữa sáng theo phong cách phương tây. 1.3. Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu các bài liên quan đến bữa sáng phương tây	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài 1 (tài liệu [1]) và đọc thêm các tài liệu [2], [3] - Phần chuẩn bị trên lớp: Đọc hiểu, thảo luận	
	Unit 2. Taking Restaurant Reservations 2.1. Expressions and Words 2.2. Pair work 2.3. Exercises	3	2.1. Nghe được các bài đọc qua máy tính của Unit 2 2.2. Nói theo cặp về đặt bàn tại nhà hàng 2.3. Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu các bài liên quan đến việc đặt bàn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài 2 tài liệu [1]) và đọc thêm các tài liệu [2], [3]	

						- Phần chuẩn bị trên lớp: Đọc hiểu, thảo luận	
3	Unit 3. Ordering a Main Course 3.1. Expressions and Words 3.2. Pair work 3.3. Exercises	3	3.1. Nghe được các bài đọc qua máy tính của Unit 3 3.2. Nói theo cặp về gọi món chính 3.3. Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu các bài liên quan đến việc gọi món chính.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài 3 tài liệu [1]) và đọc thêm các tài liệu [2], [3] - Phần chuẩn bị trên lớp: Đọc hiểu, thảo luận	
4	Unit 4. Dealing with Complaints and Requests 4.1. Expressions and Words 4.2. Pair work 4.3. Exercises	3	4.1. Nghe được các bài đọc qua máy tính của Unit 4 4.2. Nói theo cặp về việc giải quyết yêu cầu và khiếu nại 4.3. Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu các bài liên quan đến giải quyết yêu cầu và khiếu nại	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài 4 tài liệu [1]) và đọc thêm các tài liệu [2], [3] - Phần chuẩn bị trên lớp: Đọc hiểu, thảo luận	A2.1
5	Unit 5. Paying Bills 5.1. Expressions and Words 5.2. Pair work 5.3. Exercises	3	5.1. Nghe được các bài đọc qua máy tính của Unit 5 5.2. Nói theo cặp về trả tiền hoá đơn 5.3. Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu các bài liên quan đến trả tiền hoá đơn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài 5 tài liệu [1]) và đọc thêm các tài liệu [2], [3] - Phần chuẩn bị trên lớp: Đọc hiểu, thảo luận	

6	Unit 6. Taking Room Reservations 6.1. Expressions and Words 6.2. Pair work 6.3. Exercises	3	6.1. Nghe được các bài đọc qua máy tính của Unit 6 6.2. Nói theo cặp về đặt phòng khách sạn 6.3. Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu các bài liên quan đến đặt phòng khách sạn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài 6 tài liệu [1]) và đọc thêm các tài liệu [2], [3] - Phần chuẩn bị trên lớp: Đọc hiểu, thảo luận	
7	Unit 7. Checking in 7.1. Expressions and Words 7.2. Pair work 7.3. Exercises	3	7.1. Nghe được các bài đọc qua máy tính của Unit 7 7.2. Nói theo cặp về việc nhận phòng 7.3. Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu các bài liên quan đến việc nhận phòng	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài 7 tài liệu [1]) và đọc thêm các tài liệu [2], [3] - Phần chuẩn bị trên lớp: Đọc hiểu, thảo luận	
8	Unit 8. Showing Guests to Their Room 8.1. Expressions and Words 8.2. Pair work 8.3. Exercises	3	8.1. Nghe được các bài đọc qua máy tính của Unit 8 8.2. Nói theo cặp về việc dẫn khách đến phòng nghỉ 8.3. Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu các bài liên quan đến dẫn khách đến phòng nghỉ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài 8 tài liệu [1]) và đọc thêm các tài liệu [2], [3] - Phần chuẩn bị trên lớp: Đọc hiểu, thảo luận	
9	Unit 9. Room Service 9.1. Expressions and Words	3	9.1. Nghe được các bài đọc qua máy tính của Unit 9	CLO1 CLO2 CLO3	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài 9 tài liệu [1]) và	

	9.2. Pair work 9.3. Exercises		9.2. Nói theo cặp về dịch vụ buồng phòng 9.3. Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu các bài liên quan đến dịch vụ buồng phòng	CLO4	thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	đọc thêm các tài liệu [2], [3] - Phần chuẩn bị trên lớp: Đọc hiểu, thảo luận	
10	Unit 10. Checking out 10.1. Expressions and Words 10.2. Pair work 10.3. Exercises	3	10.1. Nghe được các bài đọc qua máy tính của Unit 10 10.2. Nói theo cặp về việc trả phòng 10.3. Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu các bài liên quan đến việc trả phòng	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài 10 tài liệu [1] và đọc thêm các tài liệu [2], [3] - Phần chuẩn bị trên lớp: Đọc hiểu, thảo luận	A2.2
11	Unit 11. Breakfast buffet 11.1. Expressions and Words 11.2. Pair work 11.3. Exercises	3	11.1. Nghe được các bài đọc qua máy tính của Unit 11 11.2. Nói theo cặp về việc buffet sáng 11.3. Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu các bài liên quan đến việc buffet sáng	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài 11 tài liệu [1] và đọc thêm các tài liệu [2], [3] - Phần chuẩn bị trên lớp: Đọc hiểu, thảo luận	
12	Unit 12. A breakfast dialog 12.1. Expressions and Words 12.2. Pair work 12.3. Exercises	3	12.1. Nghe được các bài đọc qua máy tính của Unit 12 12.2. Nói theo cặp về các cuộc hội thoại sáng 12.3. Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu các bài liên quan	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài 12 tài liệu [1] và đọc thêm các tài liệu [2], [3]	

			đến việc các cuộc hội thoại sáng			- Phần chuẩn bị trên lớp: Đọc hiểu, thảo luận	
13	Unit 13. Chinese breakfast 13.1. Expressions and Words 13.2. Pair work 13.3. Exercises	3	13.1. Nghe được các bài đọc qua máy tính của Unit 11 13.2. Nói theo cặp về bữa sáng Trung Quốc 13.3. Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu các bài liên quan đến bữa sáng Trung Quốc	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài 13 tài liệu [1]) và đọc thêm các tài liệu [2], [3] - Phần chuẩn bị trên lớp: Đọc hiểu, thảo luận	
14	Unit 14. Ordering salads, hors d'oeuvres and soup 14.1. Expressions and Words 14.2. Pair work 14.3. Exercises	3	14.1. Nghe được các bài đọc qua máy tính của Unit 14 14.2. Nói theo cặp về việc gọi món khai vị 14.3. Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu các bài liên quan đến việc gọi món khai vị	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài 14 tài liệu [1]) và đọc thêm các tài liệu [2], [3] - Phần chuẩn bị trên lớp: Đọc hiểu, thảo luận	
15	Unit 15. Ordering a main course 15.1. Expressions and Words 15.2. Pair work 15.3. Exercises	3	15.1. Nghe được các bài đọc qua máy tính của Unit 15 15.2. Nói theo cặp về việc gọi món chính 15.3. Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu các bài liên quan đến gọi món chính	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài 15 tài liệu [1]) và đọc thêm các tài liệu [2], [3] - Phần chuẩn bị trên lớp: Đọc hiểu, thảo luận	A2.3



Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì						A3
---------------------	------------------	--	--	--	--	--	----

## 7. Học liệu

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
<b>Giáo trình chính</b>				
1	Lê Khắc Hoài Thanh	2021	Bài giảng Tiếng anh Nhà hàng – Khách sạn	Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình.
<b>Sách, giáo trình tham khảo</b>				
2	Robert Majure and Jess Martin	2016	English for hotels and restaurants	NXB Tổng hợp TPHCM
3	Frank Levin and Peg Tinsley	2016	English for tourism and restaurants	NXB Tổng hợp TPHCM
4	Mike Seymour	2016	Hotel and hospitality English	NXB Tổng hợp TPHCM

## 8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A/C	Projector, máy tính cá nhân	1	Tất cả các chương

## 9. Rubric đánh giá

### Đánh giá chuyên cần (Attendace Check): Rubric 1

#### Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>=90 %).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

### Đánh giá bài tập (Work Assignment): Rubric 3

#### Rubric 3: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao	Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ $\geq 90\%$ số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	<b>20%</b>
Trình bày bài tập	Kém	Còn rất nhiều lỗi	Còn nhiều lỗi	Tương đối tốt	Rất tốt	<b>30%</b>
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	<b>50%</b>

**Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam):** Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

**Đánh giá thi vấn đáp (Oral Exam): Rubric 4.**

**Rubric 4: Thi vấn đáp (Oral Exam)**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, tử tôn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	20%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	80%

*Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021*

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Người biên soạn**

**Lê Khắc Hoài Thanh**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần: TIẾNG ANH NHÀ HÀNG – KHÁCH SẠN (ENGLISH FOR HOTELS AND RESTAURANTS)

Mã học phần: NNNHKS.207

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Đối tượng đào tạo: Sinh viên Đại học ngành QTDVĐL&LH Hệ chính quy

**1. Thông tin hoạt động nghiệm thu:**

Thời gian nghiệm thu:                      phút ngày                      tháng                      năm 20

Địa điểm nghiệm thu: Văn phòng Khoa Kinh tế - Du lịch

Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng nghiệm thu:

- |                              |                   |
|------------------------------|-------------------|
| 1. ThS. Phan Thị Thu Hà      | Chủ tịch hội đồng |
| 2. TS. Bùi Khắc Hoài Phương  | Phản biện 1       |
| 3. ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng | Phản biện 2       |
| 4. TS. Trần Thị Thu Thủy     | Ủy viên           |
| 3. ThS. Lê Khắc Hoài Thanh   | Thư ký            |

**2. Ý kiến của Hội đồng nghiệm thu:**

- Phản biện 1: TS. đọc nhận xét (có văn bản kèm theo)
- Phản biện 2: TS. đọc nhận xét (có văn bản kèm theo)
- Ý kiến thảo luận, bổ sung của thành viên Hội đồng: Học phần Nguyên lý thống kê cần có những chỉnh sửa về tính cân đối về thời gian phân bố đối với các nội dung kiến thức.

**3. Kết luận của Hội đồng:**

**Về hình thức:**

- Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác, không có lỗi chính tả.
- Phân bố thời gian hợp lý với dung lượng kiến thức, cân đối giữa lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa ở các bảng biểu

**Về nội dung:**

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học Kế toán.
- Nội dung chương trình đảm bảo tính khoa học, chính xác, cơ bản, chú ý rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức, kỹ năng thực hành, liên hệ thực tế cho sinh viên. Có

khả năng đo lường, và thực hiện các hoạt động thu thập minh chứng cho việc đạt được mục tiêu học phần.

- Chương trình chi tiết đã mô tả kiến thức cơ bản, kỹ năng, giáo dục thái độ đáp ứng được yêu cầu đào tạo.

- Các tiêu chuẩn để đánh giá sinh viên đã thể hiện được mục tiêu trong từng tín chỉ và trong toàn bộ học phần, có khả năng phân loại được trình độ của sinh viên.

- Tuy nhiên cần xem xét thời lượng phân bố giữa các chương cho cân đối, thời lượng bài tập với môn này nên tăng lên ở từng chương.

**Kết luận:** Chương trình cần chỉnh sửa trước khi được nghiệm thu.

*Quảng Bình, ngày      tháng      năm 2021*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

THƯ KÝ

**ThS. Phan Thị Thu Hà**

**Lê Khắc Hoài Thanh**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

1. TS. Bùi Khắc Hoài Phương

2. TS. Trần Thị Thu Thủy

3. Nguyễn Thị Kim Phụng



**BẢN NHẬN XÉT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần: TIẾNG ANH NHÀ HÀNG – KHÁCH SẠN (ENGLISH FOR HOTELS AND RESTAURANTS)

Mã học phần: NNNHKS.207

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Đối tượng đào tạo: Sinh viên Đại học ngành QTDV DL&LH Hệ chính quy

**Nội dung nhận xét:**

**\* Về hình thức:**

Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác, không có lỗi chính tả.

Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa (bảng 3,4)

**\* Về nội dung:**

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Nội dung chương trình đảm bảo tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học. Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo

- Các tiêu chuẩn sử dụng để đánh giá sinh viên có thể hiện mức độ đạt được các mục tiêu trong từng học phần và phân loại được trình độ của sinh viên.

- Quy định các hình thức kiểm tra đã phù hợp

-

**Kết luận chung:** Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

*Quảng Bình, ngày tháng năm 2021*

NGƯỜI NHẬN XÉT

**TS. Bùi Khắc Hoài Phương**

**BẢN NHẬN XÉT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần: TIẾNG ANH NHÀ HÀNG – KHÁCH SẠN (ENGLISH FOR HOTELS AND RESTAURANTS)

Mã học phần: NNNHKS.207

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Đối tượng đào tạo: Sinh viên Đại học ngành QTDV DL&LH Hệ chính quy

**Nội dung nhận xét:**

**\* Về hình thức:**

Chương trình có hình thức trình bày rõ ràng, dễ hiểu, đúng mẫu quy định. Phân bố thời gian hợp lý với dung lượng kiến thức, cân đối giữa lý thuyết, bài tập, thảo luận. Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa (bảng 4, 5)

**\* Về nội dung:**

- Mục tiêu học phần bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.
- Nội dung chương trình đảm bảo tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học.
- Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo, tuy nhiên diễn đạt trong phần kỹ năng cần điều chỉnh lại cho trôi chảy.
- Chương trình chi tiết đã mô tả kiến thức cơ bản, kỹ năng, giáo dục thái độ đáp ứng được yêu cầu đào tạo.
- Các tiêu chuẩn để đánh giá sinh viên đã thể hiện được mục tiêu trong từng tín chỉ và trong toàn bộ học phần, có khả năng phân loại được trình độ của sinh viên.
- Tuy nhiên cần xem xét lại thời lượng phân bổ cho các chương sao cho phù hợp hơn. Một số mục trong phần 12 cần điều chỉnh lại cho phù hợp theo quy định thống nhất giữa CĐR và hình thức đánh giá

**Kết luận chung:** Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

*Quảng Bình, ngày tháng năm 2021*

NGƯỜI NHẬN XÉT

**ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng**